

**MẪU CBTT-02**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010**

**Tên Công ty đại chúng : CÔNG TY CỔ PHẦN BASA**

### **I. Lịch sử hoạt động của Công ty**

#### **1. Những sự kiện quan trọng:**

*Việc thành lập* : Công ty Cổ Phần BASA tiền thân là Công ty TNHH SX-TM BASA, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là chế biến và kinh doanh thực phẩm nông sản, hải sản, đại lý ký gửi hàng hóa, sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi thủy hải sản.

*Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần từ tháng 4/2007* Công ty chính thức chuyển đổi hình thức hoạt động sang Công ty Cổ Phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800465461 do Sở Kế Hoạch- Đầu tư Thành Phố Cần Thơ cấp đăng ký lần 2 vào ngày 12/05/2009.

*Công ty Cổ Phần BASA chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP HCM* ngày 11/11/2008.

#### **2. Quá trình phát triển**

*Ngành nghề kinh doanh* : Chế biến và kinh doanh thực phẩm nông sản, hải sản, đại lý ký gửi hàng hóa, sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi thủy hải sản.

*Tình hình hoạt động* : Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ Phần BASA là sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm đông lạnh từ cá tra, cá chẻm... Sản phẩm chính là cá tra và cá chẻm đông lạnh, và phụ phẩm được thu hồi từ quá trình chế biến chiếm một tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

#### **\* Thuận lợi:**

Công ty tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO9001:2000, HACCP và BRC . Chất lượng sản phẩm được thị trường chấp nhận, xuất khẩu không bị khách hàng trả về do chất lượng.

Thị trường tiêu thụ: Australia, Ukraine, Singapore, Trung Đông và Ai Cập, Châu Á...



Doanh thu xuất khẩu của mặt hàng cá chêm fillet và nguyên con đông lạnh đạt 150,928 USD chiếm 6% doanh thu xuất khẩu.

Bước đầu công ty đã huấn luyện công nhân và cán bộ quản lý chế biến tôm đông lạnh phục vụ xuất khẩu và đã được Cục Quản lý Chất Lượng Nông Lâm Thủy Sản cấp phép xuất khẩu mặt hàng này vào tháng 07/2010. Đây là bước đi cần thiết để công ty tiến hành sản xuất tôm đông lạnh trong năm 2011.

Công ty đã và đang tiến hành xây dựng cơ sở vật chất, lắp đặt máy móc thiết bị sản xuất đồ hộp hải sản trong năm 2010. Đến nay chưa hoàn tất do thiếu vốn. Dự kiến sản phẩm đồ hộp hải sản của công ty sẽ được tiêu thụ nội địa và xuất khẩu trong năm 2011.

**\* Khó khăn:**

Trong những năm qua số lượng doanh nghiệp tham gia xuất khẩu cá Tra đông lạnh tăng nhanh đặc biệt là các công ty thương mại không có nhà máy chế biến làm giá xuất khẩu trung bình giảm do các doanh nghiệp mạnh ai nấy bán, cạnh tranh giành thị phần bằng giá đi kèm với hạ chất lượng sản phẩm thông qua tăng trọng, mạ băng...

Nhiều công ty mới thành lập thu hút khách hàng bằng cách hạ giá bán, bán trả chậm...

Do khó khăn về tài chính, khó vay ngân hàng, chi phí thức ăn cho nuôi cá liên tục tăng khiến nhiều hộ nuôi cá bỏ ạo vì không còn lợi nhuận để tái đầu tư và nếu tính tái đầu tư thì rủi ro quá cao. Điều này dẫn đến tình trạng khan hiếm nguyên liệu vào cuối quý 3/2010 và kéo dài trong năm 2011.

Các ngân hàng thương mại tiếp tục chính sách thắt chặt tín dụng, cắt giảm và ngừng cung cấp tín dụng xuất khẩu, lãi suất vay cao khiến công ty gặp rất nhiều khó khăn.

Môi trường kinh tế vĩ mô còn tiềm ẩn nhiều bất ổn: lạm phát tăng cao dẫn đến chi phí đầu vào tăng cao, cơ quan quản lý nhà nước chưa có chiến lược phát triển bền vững ngành công nghiệp nuôi trồng và chế biến xuất khẩu cá Tra để hạn chế tình trạng phát triển quá nóng và mang tính tự phát như hiện nay, sự thay đổi trong chính sách tiền tệ, khả năng tiếp cận nguồn vốn của khu vực kinh tế tư nhân...

**3. Định hướng phát triển:** đa dạng hóa mặt hàng và thị trường xuất khẩu để phát triển bền vững.

## **II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty**

**1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm 2010).**

Lợi nhuận trước thuế: Lỗ 14.091.653:586 đồng do doanh số thấp (bảng tóm tắt báo cáo tài chính đính kèm).

## 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch):

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2010 (ĐHCĐ thường niên)	KH 2010 (ĐHCĐ bất thường)	Thực hiện so với KH 2010 (ĐHCĐ bất thường)	Tỷ lệ %
Doanh thu	tỷ đồng	222	52	51,44	98,9%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	6	-11,5	- 14,09	

Hội đồng quản trị nhận trách nhiệm về việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã thông qua Đại Hội Cổ Đông Bất Thường (11/12/2010) và tự nguyện không nhận thù lao năm 2010.

## 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...).

Bước đầu sản xuất xuất khẩu cá chẻm tươi ướp lạnh, đông lạnh sang 3 thị trường Trung Quốc, Singapore và Úc đạt 151,000 USD chiếm 6% doanh thu xuất khẩu của công ty.

Công ty đã đào tạo CB-CNV, sản xuất thử nghiệm mặt hàng tôm đông lạnh và được Cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm Thủy Sản cho phép xuất khẩu mặt hàng này vào tháng 07/2010.

## 4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)

Công ty đã tiến hành xây dựng cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, sản xuất đồ hộp hải sản, rau quả trong năm 2010. Đến nay chưa hoàn tất do thiếu vốn. Dự kiến sản phẩm đồ hộp sẽ được tiêu thụ nội địa và phục vụ xuất khẩu trong năm 2011.

## III. Báo cáo của Ban giám đốc

### 1. Báo cáo tình hình tài chính:

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán: như báo cáo của HĐQT.
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010: như báo cáo của HĐQT.



- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: Không thay đổi về vốn góp.
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): cổ phiếu Công ty Cổ Phần BASA là cổ phiếu phổ thông, tổng cổ phiếu phổ thông là 9.600.000 cổ phiếu.
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Công ty Cổ Phần BASA không có trái phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 9.600.000 cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có) : không có
- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn : không.

## **2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc.**

**a. Tình hình tài chính và lợi nhuận thực hiện so với kế hoạch:** bảng cân đối kế toán đính kèm.

**b. Giải trình kết quả hoạt động kinh doanh:** tính đến 31/12/2010, công ty lỗ 14.091.653.586 đồng (Mười bốn tỷ chín mươi một triệu sáu trăm năm mươi ba ngàn năm trăm tám mươi sáu đồng) là do các nguyên nhân sau đây:

Nguyên nhân ảnh hưởng chính bởi yếu tố giá nguyên liệu đầu vào trong năm 2010 biến động liên tục từ 16.500 đ/kg lên 24.000 đ/kg và phải thanh toán ngay thay vì trước đây được trả chậm 20 ngày 30 ngày nên công ty chỉ sản xuất cầm chừng.

Bên cạnh cạnh đó chi phí sản xuất như bao bì, hoá chất .v..v vẫn tăng liên tục trong khi đó để giữ khách hàng nên công ty vẫn chưa thể điều chỉnh tăng giá bán tăng tương ứng với mức tăng giá nguyên liệu đầu vào cho phù hợp.

Nguyên nhân góp phần làm giảm doanh thu là do sản lượng bán ra giảm mạnh, do thiếu vốn hoạt động sản xuất kinh doanh, ngân hàng thắt chặt tín dụng cắt giảm hạn mức, thậm chí ngừng việc cấp tín dụng do năm 2009 công ty sản xuất kinh doanh lỗ.

Do thiếu vốn nên phương án sản xuất tôm đông lạnh xuất khẩu không thực hiện được dù công ty đã sản xuất thử tôm và có giấy chứng nhận HACCP tôm đông lạnh xuất khẩu.

Tình trạng mất điện thường xuyên nên công ty phải chạy máy phát điện, làm chi phí sản xuất tăng mà sản lượng sản xuất giảm nên làm giá thành tăng thêm, trong khi giá bán không thể tăng được nên công ty phải chấp nhận bán dưới giá thành.



Chi phí tài chính tăng chủ yếu là mức lãi suất tăng cao trong cuối năm 2010 đối với các khoản vay ngắn hạn VNĐ từ 14% - 17.5%/năm, đối với khoản vay trung dài hạn tăng lên 17,8%/năm.

Ngoài ra chi phí lãi vay trung dài hạn đối với khoản vay đầu tư xây dựng cơ bản đã hết trong giai đoạn đầu tư nên chi phí lãi vay không được tiếp tục làm tăng chi phí tài chính trong kỳ.

Giám Đốc Công ty nhận trách nhiệm trong việc không hoàn thành các mục tiêu của Đại Hội Cổ Đông Thường Niên 2010 và Đại Hội Cổ Đông Bất Thường (11/12/2010) đề ra.

### **c. Biện pháp khắc phục:**

Công ty nhận gia công mặt hàng cá Tra của các đối tác khác nhằm bù đắp định phí.

Công ty sẽ tiến hành cho thuê các kho lạnh chưa sử dụng, tăng nguồn thu nhằm bù đắp định phí.

Tái cấu trúc toàn diện từ nhân sự, vốn đến đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu, thị trường tiêu thụ (nội địa và nước ngoài).

Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành nhà máy đồ hộp và đưa sản phẩm đồ hộp hải sản tiêu thụ nội địa và xuất khẩu chậm nhất quý 2.2011. Để giảm chi phí đầu tư ban đầu, công ty sẽ thuê thiết bị sản xuất đồ hộp của công ty Hòn Mê với chi phí thấp. Công ty TNHH Hòn Mê là Công ty của ông Võ Tấn Minh là người đại diện pháp luật.

Tiếp tục đẩy mạnh mặt hàng cá chẻm tươi, đông lạnh xuất khẩu, gia công chế biến mặt hàng tôm đông lạnh xuất khẩu trong năm 2011.

Duy trì sản xuất cá Tra ở mức hợp lý, tinh gọn bộ máy sản xuất và quản lý của công ty, nâng cao hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên

Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm ISO 9001:2000, HACCP và BRC, giữ uy tín chất lượng sản phẩm công ty.

Bán nhà máy Basa 2 với giá tối thiểu 36 tỷ đồng (theo nghị quyết ĐHCĐ Bất Thường lần 2 ngày 11/12/2010). Đến nay tiếp tục tìm đối tác nhưng chưa thực hiện được.

### **3. Những tiến bộ công ty đã đạt được**

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý :

+ Duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO9001:2000, HACCP (loại A) và BRC (loại A)

+ Công ty đã được Cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm Thủy Sản cho phép xuất khẩu mặt hàng tôm đông lạnh vào tháng 07/2010.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

- Duy trì sản xuất cá Tra, cá chẻm đông lạnh với sản lượng hợp lý.
- Sản xuất đồ hộp cá xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

#### **IV. Báo cáo tài chính**

Kèm theo báo cáo tài chính tóm tắt 2010 đã được kiểm toán.

#### **V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán**

##### **1. Kiểm toán độc lập**

Đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN PHÍA NAM ( AASCS ).

Ý kiến kiểm toán độc lập : báo cáo kiểm toán

Các nhận xét đặc biệt : không có

##### **2. Kiểm toán nội bộ**

Ý kiến kiểm toán nội bộ : Kèm theo báo cáo

#### **VI. Các công ty có liên quan**

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty : Không có.

Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ : không có.

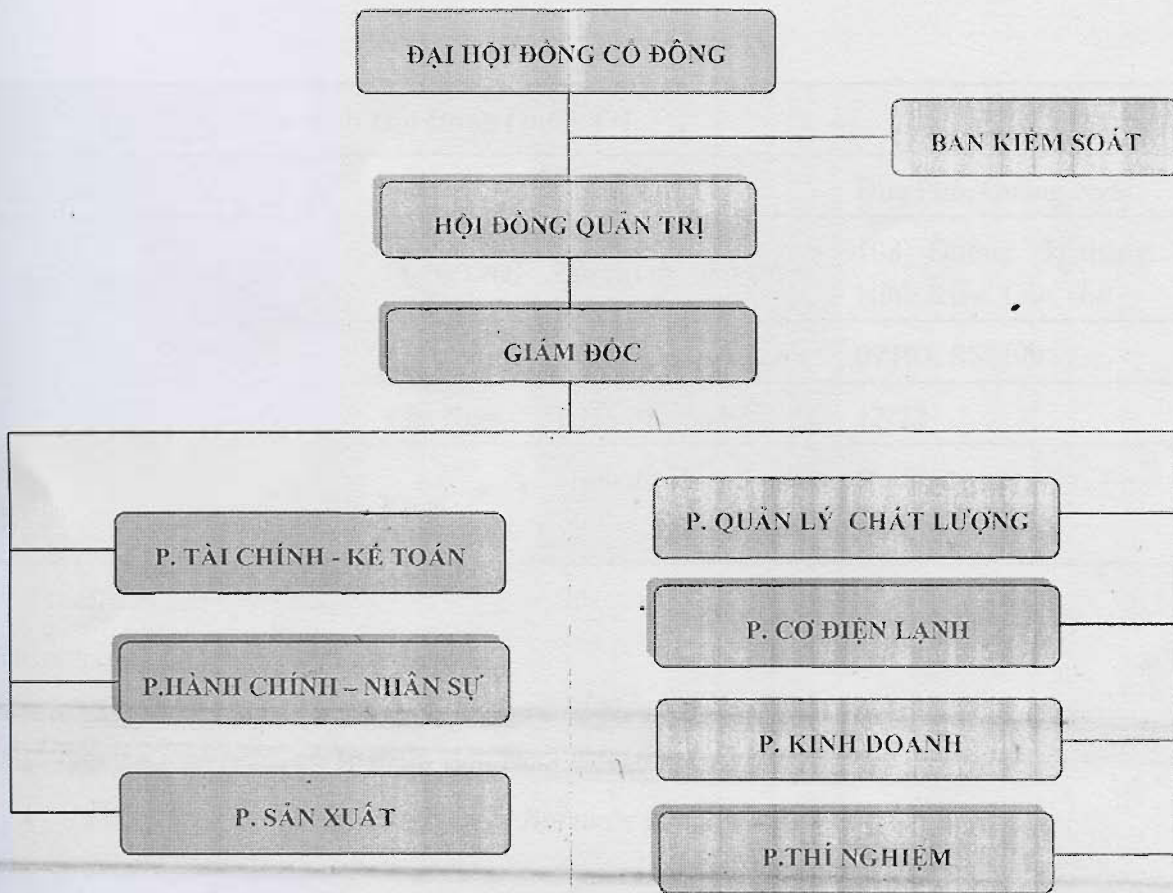
Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan : Không có

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan : Không có.

#### **VII. Tổ chức và nhân sự:**

- Cơ cấu tổ chức của công ty :





Cơ cấu tổ chức của công ty : Công ty Cổ Phần BASA được tổ chức và hoạt động phù hợp với quy định pháp luật hiện hành các yêu cầu của ngành nghề kinh doanh. Cấu trúc các bộ phận chức năng được xây dựng gọn nhẹ, đáp ứng nhu cầu trách nhiệm chuyên môn và kỹ thuật từng bộ phận. Các phân xưởng được tổ chức hợp lý về mặt bằng, vị trí và máy móc thiết bị hoàn thành các công đoạn sản xuất.

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

Ông Võ Tấn Minh - Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị			
Giới tính	Nam	Quê quán	Đức Phổ, Quảng Ngãi
Ngày tháng năm sinh	15/10/1960	Địa chỉ thường trú	108 Đường 3 tháng 2, Ninh Kiều, Cần Thơ
Nơi sinh	Trà Vinh	Điện thoại cơ quan	07103. 854299
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Đại học

**Quá trình công tác:**

- 1982 – 1985: Cán bộ giảng dạy Khoa Chế biến Đại Học Cần Thơ
- 1985 – 1988: Cán bộ kỹ thuật Ban khoa học kỹ thuật TP. Cần Thơ
- 1988 – 1995: Phó giám đốc Công ty Bia nước giải khát Cần Thơ
- 1996 – 1998: Cán bộ kỹ thuật Công ty Bia nước giải khát Phong Dinh
- 1999 – 2000: Giám đốc Công ty Sấy Thặng Hoa – TP. Hồ Chí Minh
- 2001 – 2004: Giám đốc Công ty Bia nước giải khát Phong Dinh
- 2005 – 2010 : Giám đốc Công ty TNHH Basa (nay là Công ty cổ phần BASA)
- 2010 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần BASA.



**Ông Hoàng Đức Tri – Giám Đốc**

<i>Giới tính</i>	<i>Nam</i>	<i>Quê quán</i>	<i>Trà Vinh</i>
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	<i>25/01/1977</i>	<i>Địa chỉ thường trú</i>	<i>51 Lê Lợi K4-F4 TXTV- Tỉnh Trà Vinh</i>
<i>Nơi sinh</i>	<i>Trà Vinh</i>	<i>Điện thoại cơ quan</i>	<i>07103. 649300</i>
<i>Quốc tịch</i>	<i>Việt Nam</i>	<i>Trình độ văn hóa</i>	<i>12/12</i>
<i>Dân tộc</i>	<i>Kinh</i>	<i>Trình độ chuyên môn</i>	<i>Đại Học Ngoại Thương</i>

**Quá trình công tác:**

- Tháng 08/2003 – 11-2003 : Nhân viên xuất nhập khẩu tập sự tại Cty xuất nhập khẩu Intimex
- Tháng 01/2005 – 12/2006: Cán bộ thu mua vật tư Công ty TNHH Sấy Thăng Hoa
- Tháng 01/2007 – 09/2008: Cán bộ Phòng kinh doanh Công ty Cổ Phần BASA
- 10/2008 – 04/2010 : Phó Giám Đốc Kinh Doanh Công ty Cổ Phần BASA.
- 05/2010 đến nay : Giám Đốc Công ty Cổ Phần BASA.

**Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm :** Trong năm Công ty Cổ Phần BASA có thay đổi Giám đốc điều hành: ông Hoàng Đức Tri thay Ông Võ Tấn Minh giữ chức vụ Giám Đốc từ 01/05/2010.

**Quyền lợi của Ban Giám đốc:** Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc giống như tất cả Cán bộ công nhân viên do sản xuất kinh doanh không hiệu quả.

**Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

+ Chính sách tuyển dụng: Công ty luôn quan tâm đến công tác tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng về chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề nhằm đảm bảo cho sự phát triển của Công ty. Tùy theo yêu cầu công việc của từng phòng ban, bộ phận mà Công ty xây dựng các tiêu chí tuyển dụng cụ thể đáp ứng yêu cầu chung là trình độ chuyên môn, tay nghề cao, nhiệt tình và năng động. Việc đào tạo cho công nhân sản xuất cũng như bộ phận quản lý, văn phòng được Công ty rất chú trọng. Đối với công nhân sản xuất, Công ty chủ yếu đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao tay nghề cho công nhân. Đối với các cán bộ quản lý và cán bộ văn phòng Công ty được tạo điều kiện học các khóa đào tạo chuyên ngành về quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy... tại Cần Thơ và



TP.HCM. Ngoài ra toàn thể công nhân viên của Công ty thường xuyên được tham gia các khóa đào tạo về tiêu chuẩn HACCP, quản lý hệ thống chất lượng...

+ Đối với người lao động điều kiện làm việc: Văn phòng và nhà xưởng được xây dựng thoáng mát, rộng và thoáng, đáp ứng được các yêu cầu quản lý sản xuất, do Công ty sản xuất sản phẩm đông lạnh, người lao động thường xuyên tiếp xúc với môi trường không khí lạnh, nên Công ty trang bị đầy đủ quần áo bảo hộ lao động cho Công nhân. Đối với công nhân kỹ thuật, bảo trì, cơ khí, điện được trang bị đầy đủ quần áo bảo hộ lao động và các dụng cụ sử dụng an toàn về điện. Bên cạnh đó, các quy định về phòng cháy chữa cháy và an toàn vệ sinh lao động được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt.

+ Chính sách lương : Lương của công nhân trực tiếp sản xuất bao gồm lương căn bản và lương dựa trên lượng sản phẩm, ngoài ra công nhân còn nhận khoản phụ cấp khác tùy theo tính chất công việc.

+ Chính sách khen thưởng : Công ty áp dụng chế độ khen thưởng khi người lao động hoàn thành công việc với tinh thần trách nhiệm cao, đạt năng suất...

+ Chế độ phúc lợi đối với tất cả cán bộ công nhân viên được Công ty cung cấp 02 suất ăn miễn phí, nhà ăn Công ty được chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm. Bên cạnh đó còn được hưởng các chế độ y tế, bảo hiểm xã hội theo luật định. Hiện tại Công ty có trang bị khu nhà ở tập thể miễn phí cho cán bộ, công nhân nằm trong khuôn viên Công ty nhằm giúp cán bộ, công nhân viên tiết kiệm chi phí nhà ở, đồng thời đảm bảo an toàn và giờ giấc làm việc.

- **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:** ông Hoàng Đức Tri thay ông Nguyễn Việt Cường giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị từ 17/04/2010.

- **Thay đổi Ban Giám đốc:** ông Hoàng Đức Tri thay ông Võ Tấn Minh giữ chức vụ Giám Đốc từ 01/05/2010

- **Thay đổi kế toán trưởng :** bà Đinh Ngọc Thiên Đăng thay ông Ngô Đồng Thạnh giữ chức vụ Kế toán trưởng từ 25/11/2010.

## **VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.**

### **1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:**

#### **+ Danh sách HĐQT**

- |                    |                   |
|--------------------|-------------------|
| 1- Ông Võ Tấn Minh | : Chủ tịch HĐQT   |
| 2- Ông Võ Đình Duy | : Thành viên HĐQT |



- 3- Ông Nguyễn Sang Ba : Thành viên HĐQT.  
4- Ông Thái Hồng Phước : Thành viên HĐQT.  
5- Ông Hoàng Đức Tri : Thành viên HĐQT kiêm Giám Đốc Công

ty

**+ Danh sách Ban Kiểm Soát.**

- 1- Bà Đặng Thị Tuyết Anh : Trưởng ban kiểm soát.  
2- Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo : Thành viên  
3- Bà Hà Thị Nhung : Thành Viên

**Thành viên Hội đồng quản trị :**

- Số lượng : 05 người  
Cơ cấu : 01 Chủ tịch, 04 thành viên

**Thành viên Ban kiểm soát :**

- Số lượng : 03 người  
Cơ cấu : 01 trưởng ban , 02 thành viên

**- Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên :**

+ Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành : Không có.

- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên (ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban nhân sự...) : Không có

**- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên :**

+ Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên :

+ Tổng mức thù lao của HĐQT (05 người): 0/ năm.

Tổng mức thù lao của BKS (03 người) : 96.000.000đồng/ năm.

Trong đó :

Trưởng Ban kiểm soát : 36.000.000đồng/ năm.

Thành viên BKS ( 02 người ) : 30.000.000đồng/ năm.

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty : **01 người.**

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên từ 01/04/2010 đến 15/4/2011 :

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Thay đổi tỷ lệ nắm giữ	
				Bán	Tỷ lệ
1	Võ Tấn Minh	Chủ Tịch HĐQT	4.695.000	1.197.000	36,44%

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên : **Không có**

## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

### 2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước : **Không có.**

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên; Địa chỉ liên lạc; Ngành nghề kinh doanh; số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty : **Không có.**

### 2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập



Cổ đông sáng lập	Năm sinh	Địa chỉ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
Võ Tân Minh	1960	108 Đường 3/2, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ	3.498.000	36,44%
Võ Đình Duy	1984	76 Độc Lập, P.3, TX Trà Vinh.	456.000	4,75%
Nguyễn Sang Ba	1954	655 Ba Đình, P.9, Q.8, Tp.HCM	456.000	4,75%
Thái Hồng Phước	1956	87/4 Trần Phú, P.4, Q.5, Tp.HCM	456.000	4,75%
Phan Canh Tuyên Lâm	1970	29/11 Nguyễn Trãi, Tp. Cần Thơ	30.000	0,31%
<b>Tổng cộng</b>			<b>4.896.000</b>	<b>51%</b>

### 2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài.

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông/thành viên góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp, trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp :

Theo nguồn của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, chi nhánh TPHCM đến 15/04/2011.

STT	HỌ VÀ TÊN	CMND	ĐỊA CHỈ	QUỐC TỊCH	SỐ CP NẪM GIỮ
1	MASAO HIRATA	IA0138	A102 SOREIYU SUKUEA 750-3, ASHIKADOMACHI, TAKASAKISHI GUNMAKEN, JAPAN	JAPAN	1500
2	SATO MITSUO	IA2154	4-3-11-404 ROPPOGI, MINATO-KU, TOKYO, JAPAN	JAPAN	1500
3	YUTAKA NODA	I00338	993-5 KOYURUGI SAMUKAWAMACHI KOZAGUN KANAGAWAKEN, JAPAN	JAPAN	300
4	MASASHI SHIOMI	IS3499	84 ngõ 75 Hồng Hà - Phúc Xá - Ba Đình - HN		100

5	MITSunORI KAWAJIRI	IS2270	1-9-12 NAKAYAMADAI, TAKARAZUKA, HYOGO, JAPAN	JAPAN	100
6	WATARU MIYAZAWA	IS3232	6-5-5-603 CHUOURINKAN YAMATOSHI, KANAGAWA-KEN, JAPAN	JAPAN	100
7	YEH, YUNG - HSIANG	IA3497	3F, NO.8, LANE 57, SEC.2, ZHONGXING RD, XINDIAN CITY, TAIPEI	TAIPEI	30

TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI		ĐỊA CHỈ		QUỐC TỊCH	SỐ CP NĂM GIỮ
1	CREDIT SUISSE (HONG KONG) LTD	CS1947	45 TH AND 46TH FLOORS, TWO EXCHANGE SQUARE, CONNAUGHT PLACE, CENTRAL, HONGKONG	HONGKONG	16060
2	NEW-S SECURITIES CO., LTD.	CS9483	EBISU BLDG, 11-10, 3-CHOME, HIGASHI, SHIBUYA-KU, TOKYO	JAPAN	100



VÕ TẤN MINH



# SỔ LIỆU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tổ chức niêm yết : CÔNG TY CỔ PHẦN BASA

Năm báo cáo : 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN BASA

Thới Thạnh - Thới Thuận - Thốt Nốt - Cần Thơ

Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

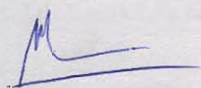
NĂM 2010

PHẦN I: LÃI LỖ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM 2009	NĂM 2010
1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	01	85,995,383,214	50,312,972,487
2. Các khoản giảm trừ (03=04+05+06+07)	02	2,206,475,838	101,653,396
* Chiết khấu thương mại		-	
* Giảm giá hàng bán		2,156,502,930	101,653,396
* Hàng bán bị trả lại		49,972,908	
* Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp		-	
* Thuế tiêu thụ đặc biệt			
* Thuế xuất khẩu			
3. Doanh thu thuần (10= 01 - 02)	10	83,788,907,376	50,211,319,091
4. Giá vốn hàng bán	11	77,720,590,918	47,815,732,280
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CC. Dvụ( 20 = 10 - 11 )	20	6,068,316,458	2,395,586,810
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2,439,759,346	1,068,941,397
7. Chi phí tài chính	22	6,347,541,454	6,192,163,074
trong đó : chi phí lãi vay	23	6,299,469,999	5,957,831,442
8. Chi phí bán hàng	24	7,684,328,918	4,780,907,232
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3,558,983,306	6,574,798,600
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 =[ 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30	(9,082,777,874)	(14,083,340,698)
11. Thu nhập khác	31	9,117,932,931	60,594,685
12. Chi phí khác	32	3,763,867,373	68,907,573
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	5,354,065,558	(8,312,888)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	50	(3,728,712,316)	(14,091,653,586)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52 )	60	(3,728,712,316)	(14,091,653,586)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG



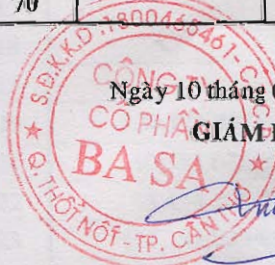

Lê Thị Kim Loan

Đinh Ngọc Thiên Đăng

Ngày 10 tháng 02 năm 2011

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN  
BASA



Hoàng Đức Tri



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**NĂM 2010**

ĐVT : VND

STT	TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ DƯ ĐẦU NĂM 2010	SỐ DƯ CUỐI NĂM 2010
	1	2	4	5
	<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>	<b>70,399,226,602</b>	<b>29,087,670,746</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền:</b>	<b>110</b>	<b>5,531,958,952</b>	<b>1,171,570,830</b>
1	Tiền	111		1,171,570,830
2	Các khoản tương đương tiền	112		
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn :</b>	<b>120</b>		
1	Đầu tư ngắn hạn	121		
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn :</b>	<b>130</b>	<b>21,002,116,131</b>	<b>7,514,448,964</b>
1	Phải thu của khách hàng	131	16,265,790,398	3,538,361,751
2	Trả trước cho người bán	132	4,542,935,720	4,977,201,942
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		
5	Các khoản phải thu khác	135	193,390,013	289,134,013
6	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1,290,248,742)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho :</b>	<b>140</b>	<b>37,224,637,774</b>	<b>20,068,713,821</b>
1	Hàng tồn kho	141	37,224,637,774	20,068,713,821
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác :</b>	<b>150</b>	<b>6,640,513,745</b>	<b>332,937,131</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		271,895,586
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	49,441,545	49,441,545
5	Tài sản ngắn hạn khác	158	6,591,072,200	11,600,000
	<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> ( 200 = 210+220+240+250+260 )	<b>200</b>	<b>129,029,180,635</b>	<b>128,861,140,027</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn :</b>	<b>210</b>		
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213		
4	Phải thu dài hạn khác	218		
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định :</b>	<b>220</b>	<b>120,176,398,426</b>	<b>121,437,033,518</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	40,353,672,891	38,146,177,181
	_ Nguyên giá	222	53,134,706,781	52,927,434,054
	_ Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(12,781,033,890)	(14,781,256,873)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		
	_ Nguyên giá	225		
	_ Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		





STT	TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ DƯ ĐẦU NĂM 2010	SỐ DƯ CUỐI NĂM 2010
	1	2	4	5
3	Tài sản cố định vô hình	227	34,488,032,458	34,261,688,544
	_ Nguyên giá	228	35,695,200,000	35,695,200,000
	_ Giá trị hao mòn lũy kế ( * )	229	(1,207,167,542)	(1,433,511,456)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	45,334,693,077	49,029,167,793
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư :</b>	<b>240</b>		
1	_ Nguyên giá	241		
2	_ Giá trị hao mòn lũy kế ( * )	242		
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn :</b>	<b>250</b>		
1	Đầu tư vào Cty con	251		
2	Đầu tư vào Cty liên doanh, liên kết	252		
3	Đầu tư dài hạn khác	258		
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn ( * )	259		
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác :</b>	<b>260</b>	<b>8,852,782,207</b>	<b>7,424,106,509</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	8,852,782,207	7,424,106,509
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3	Tài sản dài hạn khác	268		
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 250 = 100 + 200 )</b>	<b>270</b>	<b>199,428,407,236</b>	<b>157,948,810,773</b>
	<b>NGUỒN VỐN</b>			
	<b>A- NỢ PHẢI TRẢ ( 300 = 310 + 330 )</b>	<b>300</b>	<b>106,815,767,979</b>	<b>79,175,915,038</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn :</b>	<b>310</b>	<b>86,859,965,023</b>	<b>61,627,522,285</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	66,118,735,943	55,917,759,747
2	Phải trả cho người bán	312	10,124,275,330	3,358,774,558
3	Người mua trả tiền trước	313	171,956,500	
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	393,868,741	
5	Phải trả cho người lao động	315	314,250,425	183,350,877
6	Chi phí phải trả	316		748,678,144
7	Phải trả nội bộ	317		
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		
9	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	9,736,878,084	1,418,958,959
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		
11	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn :</b>	<b>330</b>	<b>19,955,802,956</b>	<b>17,548,392,753</b>
1	Phải trả dài hạn người bán	331		
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		
3	Phải trả dài hạn khác	333	17,500,000,000	17,298,373,253
4	Vay và nợ dài hạn	334	2,420,945,956	220,000,000
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	34,857,000	30,019,500
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		
8	Doanh thu chưa thực hiện	338		
9	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		
	<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU ( 400 = 410 + 430 )</b>	<b>400</b>	<b>92,612,639,257</b>	<b>78,772,895,735</b>





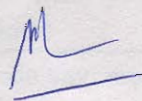
STT	TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ DƯ ĐẦU NĂM 2010	SỐ DƯ CUỐI NĂM 2010
	1	2	4	5
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu :</b>	<b>410</b>	<b>92,612,639,257</b>	<b>78,772,895,735</b>
1	Vốn đầu tư chủ sở hữu	411	96,000,000,000	96,000,000,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		
4	Cổ phiếu quỹ ( * )	414		
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	(124,816,896)	127,093,170
7	Quỹ đầu tư phát triển	417	311,916,601	311,916,601
8	Quỹ dự phòng tài chính	418	154,251,868	154,251,868
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(3,728,712,316)	(17,820,365,904)
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		
12	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác :</b>	<b>430</b>		
1	Nguồn kinh phí	432		
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 430 = 300 + 400 )</b>	<b>440</b>	<b>199,428,407,236</b>	<b>157,948,810,773</b>

Ghi chú : Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn ( )

#### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

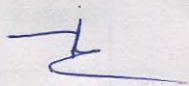
	CHỈ TIÊU	MS	SỐ DƯ ĐẦU NĂM 2010	SỐ DƯ CUỐI NĂM 2010
1	Tài sản thuê ngoài	001		
2	Vtư, Hhóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		
3	Hhóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	003		
4	Nợ khó đòi đã xử lý	004		
5	Ngoại tệ các loại	005		
	USD		282,885.63	52,301.53
	EUR		1,926.94	1,627.91
	AUD		587.71	552.26
6	Dự toán chi sự nghiệp, dự án	006		

NGƯỜI LẬP



Lê Thị Kim Loan

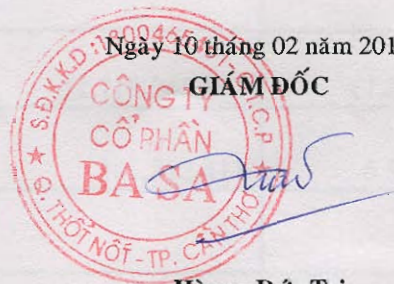
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đinh Ngọc Thiên Đăng

Ngày 10 tháng 02 năm 2011

GIÁM ĐỐC



Hàng Đức Tri



**CÔNG TY CỔ PHẦN BASA**

*Thới Thạnh - Thới Thuận - Thốt Nốt - Cần Thơ*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*Năm 2010*

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế		(14,091,653,586)	3,728,712,316
2. Điều chỉnh cho các khoản		8,295,885,243	7,411,971,324
- Khấu hao tài sản cố định		2,243,839,626	3,511,913,939
- Các khoản dự phòng		1,290,248,742	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(127,093,170)	(621,824,281)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(1,068,941,397)	(1,777,588,333)
- Chi phí lãi vay		5,957,831,442	6,299,469,999
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(5,795,768,343)	11,140,683,640
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		18,521,402,735	(392,141,022)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		17,155,923,950	8,443,318,388
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(15,880,144,597)	9,847,505,722
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		1,428,675,700	2,047,581,149
- Tiền lãi vay đã trả		(5,209,153,298)	(6,299,469,999)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(8,702,479)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		19,957,408,809	15,695,533,945
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(21,020,852,502)	(19,745,500,179)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>9,157,492,454</b>	<b>20,728,809,165</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2,718,741,892)	(2,252,651,250)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		281,712,411	6,500,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
chia		1,193,977,887	1,777,588,333
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1,243,051,594)</b>	<b>6,024,937,083</b>





# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		184,301,020,861	382,086,710,008
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(196,702,943,013)	(408,350,173,834)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(12,401,922,152)</b>	<b>(26,263,463,826)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(4,487,481,292)</b>	<b>(6,967,142,210)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>5,531,958,952</b>	<b>11,978,015,140</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		127,093,170	521,086,022
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>1,171,570,830</b>	<b>5,531,958,952</b>

Thốt Nốt ngày 10 tháng 02 năm 2011

Người Lập Biểu

Lê Thị Kim Loan

Kế Toán Trưởng

Đinh Ngọc Thiên Đăng

Giám Đốc



Hàng Đức Tri